TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2018.
V/v: " Ly hôn" giữa chị Ngô Thị P1 và anh Nguyễn P2"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn;
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1229/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị P1, sinh năm 1996 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 80/3 ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn P2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 11/3 ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Ngô Thị P1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2018, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chị Ngô Thị P1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn P2 kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân

dân xã HL cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2016. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Chị và anh Phương không có con chung.

Trong thời gian chung sống với nhau, chị và anh Phương thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cách sống cũng như trong giao tiếp. Chị cũng đã nhiều lần chịu đựng để hàn gắn và mong cải thiện được mối quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, chị và anh Phương mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không cùng lo chăm sóc gia đình và tương lai sau này, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Phương nên đã ly thân hơn một năm nay. Chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và đi làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh và từ khi ly thân với anh Phương đến nay chị vẫn sống tốt, không ai còn quan tâm ai, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị Phương yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị P1 yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn P2.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết;
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn P2 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 25/5/2018 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ anh Phương trình bày:

Anh và chị Phương kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HL, cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2016. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Anh và chị Phương không có con chung.

Anh và chị Phương không có mâu thuẫn, không có cự cãi như chị Phương đã trình bày. Anh vẫn lo đi làm để tạo thu nhập cho gia đình và tương lai sau này. Trong thời gian ly thân hơn một năm nay, anh có thường xuyên đến nhà ba mẹ của chị Phương để rước chị Phương về nhưng chị Phương từ chối và đã bỏ đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Nay chị Phương yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý do vẫn còn thương vợ, mong hàn gắn lại vợ chồng. Về các yêu cầu khác như con chung, tài sản chung, nợ chung anh Phương thống nhất như lời trình bày của chị Phương là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về hôn nhân*:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị P1;
- Về con chung: Không có nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.
- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn P2 có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Ngô Thị P1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn P2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phương và anh Phương.

[3] Chị Ngô Thị P1 và anh Nguyễn P2 cưới nhau vào năm 2016. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị Phương và anh Phương sống chung hạnh phúc. Sau đó, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên không có thiện chí dung hòa khắc

phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân. Trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm. Hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình. Từ khi ly thân, hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Phương và anh Phương thì hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định chị Phương và anh Phương đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phương là có cơ sở, phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Không có nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung: Chị Phương và anh Phương không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[6] Về nợ chung: Chị Phương và anh Phương trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị Phương không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phương phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị P1. Chấp nhận cho chị Ngô Thị P1 được ly hôn với anh Nguyễn P2.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị Phương không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về con chung: Không có nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Ngô Thị P1 phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016162 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã HL, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết